|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**Số: /2023/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hải Phòng, ngày tháng năm 2023* |

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng**

**yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**KHÓA ….. , KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương  ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ......... của Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ học phí đối với người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ (hỗ trợ đào tạo lại); hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh (trong và ngoài thành phố) tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp (hỗ trợ đào tạo mới); thời gian thực hiện từ năm 2024 đến năm 2030; hỗ trợ một số điều kiện bảo đảm hoạt động GDNN của cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố.

2. Đối tượng hưởng hỗ trợ

- Người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc tại doanh nghiệp được doanh nghiệp cử đi học (đào tạo lại);

- Học sinh (trong và ngoài thành phố) tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp (đào tạo mới);

- Nhà giáo cơ hữu đang giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố. Nhà giáo đang giảng dạy tại các trường đại học sư phạm kỹ thuật, các trường đại học trong và ngoài thành phố, cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên… giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố;

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố.

**Điều 2. Chính sách hỗ trợ người học**

**1. Chính sách hỗ trợ đào tạo lại**

Đối tượng: Người lao động (trong và ngoài thành phố) đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, chưa có bằng cấp, chứng chỉ tham gia học trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

**a) Giai đoạn 2024-2025**

**a.1. Đối với trình độ trung cấp**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ học phí** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **50% học phí** trình độ trung cấp theo mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

- Điều kiện được hỗ trợ: Người lao động (trong và ngoài thành phố) đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, chưa có bằng cấp, chứng chỉ **được doanh nghiệp cử đi học** trình độ trung cấp **đối với 07 ngành, nghề đào tạo** đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

- Nguyên tắc hỗ trợ: Người học thuộc đối tượng thụ hưởng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định của chính sách đó. Người học được hưởng hỗ trợ học nghề chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách này.

- Về danh mục ngành, nghề: Bám sát định hướng tại Nghị quyết số 45-NQ/TW[[1]](#footnote-1), Nghị quyết 30-NQ/TW[[2]](#footnote-2); Nghị quyết số 09-NQ/ĐH[[3]](#footnote-3), danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng[[4]](#footnote-4); thành phố dự kiến hỗ trợ các ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố; ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu; ngành, nghề mà thị trường lao động thiếu nhưng do chi phí đào tạo cao nên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp không muốn đào tạo; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm[[5]](#footnote-5); trước mắt ưu tiên một số ngành, nghề thuộc nhóm: Điện - Điện tử, Logistics, Công nghệ thông tin, Du lịch - Dịch vụ…

Cụ thể 07 ngành, nghề đề xuất: Logistics; Điện tử công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn.

- Về quy định mức trần học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

+ Mức trần học phí trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp được quy định theo 08 nhóm ngành, nghề đào tạo tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Danh mục ngành, nghề đào tạo quy định tại Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Theo đó 07 ngành, nghề khuyến khích hỗ trợ đào tạo đề xuất nêu trên thuộc các nhóm ngành, nghề đào tạo tương ứng như sau:

++ Nghề: Logisticsthuộc nhóm ngành, nghề “Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh”;

++ Các nghề: Điện tử công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp, Hàn, Công nghệ ô tô, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) thuộc nhóm ngành, nghề “Kỹ thuật và công nghệ thông tin”;

++ Nghề: Quản trị khách sạn thuộc nhóm ngành, nghề “Dịch vụ, du lịch và môi trường”;

- Đề xuất mức hỗ trợ học phí: Căn cứ quy định về mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đối với các nhóm ngành, nghề đào tạo như đã nêu trên; đề xuất mức hỗ trợ bằng 50% mức trần học phí trình độ trung cấp theo từng nhóm ngành, nghề đào tạo tương ứng theo năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026, như sau:

**Bảng 1.1.1.** Quy định mức trần học phí năm học 2024-2025,

năm học 2025-2026 và đề xuất mức hỗ trợ học phí của thành phố

*Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng*

| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học 2024-2025** | **Năm học 2025-2026** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP  | Mức hỗ trợ Thành phố đề xuất | Tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP  | Mức hỗ trợ Thành phố đề xuất |
| 1 | Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh | 1.360 | 680 | 1.600 | 800 |
| 2 | Kỹ thuật và công nghệ thông tin | 2.040 | 1.020 | 2.400 | 1.200 |
| 3 | Dịch vụ, du lịch và môi trường | 1.700 | 850 | 2.000 | 1.000 |

- Về số lượng người lao động có nhu cầu được đào tạo lại

Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp năm 2024, 2025 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đối với 07 ngành, nghề đào tạo nêu trên; năm 2024 nhu cầu hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp là 860 người *(nhóm ngành, nghề Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 227 người; nhóm ngành, nghề Kỹ thuật và công nghệ thông tin: 626 người; nhóm ngành, nghề Dịch vụ, du lịch và môi trường: 7 người)*; năm 2025 nhu cầu hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp là 825 người *(nhóm ngành, nghề Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 220 người; nhóm ngành, nghề Kỹ thuật và công nghệ thông tin: 605 người; nhóm ngành, nghề Dịch vụ, du lịch và môi trường: 0 người).*

- Về thời gian hỗ trợ: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp, thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp THCS trở lên là từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo; thành phố dự kiến thời gian hỗ trợ học phí cho người học trình độ trung cấp tối đa 20 tháng.

- Phương thức thực hiện: Kinh phí hỗ trợ học phí được thực hiện thông qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố) tổ chức đào tạo trình độ trung cấp.

 - Dự kiến giai đoạn 2024-2025: Số người được hỗ trợ 1.685 người, số kinh phí dự kiến 26.406.300.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, bốn trăm linh sáu triệu, ba trăm nghìn đồng)*.

**a.2. Đối với trình độ sơ cấp**

- Thành phố hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Về danh mục nghề: Theo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND.

- Về số người có nhu cầu học: Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp năm 2024, 2025 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đối với trình độ sơ cấp; năm 2024 có 1.994 người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo; năm 2025 có 2.266 người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo.

- Về mức hỗ trợ chi phí đào tạo: Các nghề thuộc nhóm kỹ thuật, cơ khí, mức hỗ trợ chi phí đào tạo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND là 1.950.000 đồng/người/khóa đào tạo. Các nghề thuộc nhóm nghề dịch vụ, du lịch, kinh doanh, may mặc mức hỗ trợ chi phí đào tạo quy định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND là 1.800.000 đồng/người/khóa đào tạo.

- Về thời gian hỗ trợ: Hỗ trợ 03 tháng/khóa đào tạo.

- Dự kiến kinh phí hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp: Cộng năm 2024-2025: Số người được hỗ trợ: 4.260 người; Số kinh phí: 8.074.350.000 đồng *(bằng chữ: Tám tỷ, không trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).*

**b) Giai đoạn 2026-2030**

**b.1. Đối với trình độ trung cấp**

- Danh mục ngành, nghề đào tạo được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp.

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ học phí** cho người học.

- Mức hỗ trợ: Đề xuất áp dụng mức hỗ trợ bằng 50% mức trần học phí trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp của nhóm ngành, nghề đào tạo có mức trần học phí trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp cao nhất năm học 2025-2026 quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Mức trần học phí cao nhất năm học 2025-2026 là 2.800.000 đồng/người/tháng. Theo đó, đề xuất mức hỗ trợ học phí cho người học các ngành, nghề đào tạo giai đoạn 2026-2030 là 1.400.000 đồng/người/tháng.

- Về số người có nhu cầu học: Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, số người có nhu cầu hỗ trợ là 4.114 người.

- Điều kiện được hỗ trợ: Người lao động (trong và ngoài thành phố) đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, chưa có bằng cấp, chứng chỉ **được doanh nghiệp cử đi học** trình độ trung cấp **đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp** theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

- Cộng giai đoạn 2026-2030, số người có nhu cầu hỗ trợ là 4.114 người, số kinh phí dự kiến 115.192.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ, một trăm chín mươi hai triệu đồng)*.

**b.2. Đối với trình độ sơ cấp**

- Thành phố hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp cho người lao động có nhu cầu học nghề theo quy định.

- Mức hỗ trợ: đề xuất áp dụng mức hỗ trợ chi phí đào tạo bằng mức hỗ trợ chi phí đào tạo của nhóm nghề kỹ thuật, cơ khí, nhóm nghề có mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND là 1.950.000 đồng/người/khóa đào tạo.

- Về số người có nhu cầu học: Theo kết quả tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động chưa có bằng cấp, chứng chỉ đang làm việc trong doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 từ Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, số người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo là 2.790 người.

- Cộng giai đoạn 2026-2030, số người có nhu cầu hỗ trợ đào tạo là 2.790 người, số kinh phí: 5.440.500.000 đồng *(bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, năm trăm nghìn đồng).*

**2. Chính sách hỗ trợ đào tạo mới**

**2.1. Đối với học sinh không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng**

Đối tượng:Học sinh **không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng** tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp, tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

**a) Giai đoạn 2024-2025**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ chi phí học tập** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **1,8 triệu đồng**/người/tháng (bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng hiện hành).

- Nội dung hỗ trợ chi phí học tập: dự kiến hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, mua sách vở, dụng cụ học tập…

- Điều kiện được hỗ trợ: Người học tại cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố có cam kết việc làm của cơ sở GDNN trực tiếp tuyển sinh và đào tạo thông qua Hợp đồng tiếp nhận lao động sau đào tạo giữa cơ sở GDNN đó với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Nguyên tắc hỗ trợ: Người học thuộc đối tượng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định tại chính sách đó. Người học được hưởng hỗ trợ học nghề chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách này.

- Phương thức thực hiện: Việc thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập được chi trả trực tiếp cho người học.

- Danh mục ngành, nghề đào tạo: Theo danh mục ngành, nghề đào tạo tại điểm a.1 khoản 1.2 Mục IV.

- Thời gian hỗ trợ đào tạo:

+ Trình độ trung cấp: Tối đa 20 tháng[[6]](#footnote-6).

+ Trình độ cao đẳng: Tối đa 30 tháng[[7]](#footnote-7).

- Về số người được hỗ trợ:

Theo kết quả tổng hợp từ các trường cao đẳng, trường trung cấp về học sinh **không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng** tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp, tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố đối với 07 ngành, nghề đào tạo giai đoạn 2020-2022 khoảng 270 người học/năm (khoảng 95 người học trình độ cao đẳng, khoảng 175 người học trình độ trung cấp).

Dự kiến khi chính sách này được ban hành sẽ thu hút tăng thêm khoảng 10% người học so với trung bình giai đoạn 2020-2022; theo đó, dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2024 đối với 07 ngành, nghề đào tạo nêu trên là 300 người (110 người học trình độ cao đẳng, 190 người học trình độ trung cấp); năm 2025 tăng khoảng 13% so với trung bình giai đoạn 2020-2022, dự kiến số người học là 350 người (130 người học trình độ cao đẳng, 220 người học trình độ trung cấp).

- Dự kiến kinh phí giai đoạn 2024-2025: Số người được hỗ trợ: 650 người; số kinh phí: *17.100.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, một trăm triệu đồng).*

**b) Giai đoạn 2026-2030**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ chi phí học tập** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **1,8 triệu đồng**/người/tháng (bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng năm 2023).

- Danh mục ngành, nghề đào tạo được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Số người được hỗ trợ: 5.745 người;Số kinh phí dự kiến: 103.410.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm linh ba tỷ, bốn trăm mười triệu đồng).*

**1.2.2. Đối với học sinh có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng**

- Đối tượng:Học sinh **có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng** tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học trình độ trung cấp, tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở GDNN (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

- Điều kiện được hỗ trợ: Người học thuộc một trong các đối tượng sau

+ Người học ngành, nghề Hàn, Công nghệ ô tô[[8]](#footnote-8);

+ Người học là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên[[9]](#footnote-9);

+ Người học là đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng[[10]](#footnote-10);

+ Người học là người khuyết tật[[11]](#footnote-11);

+ Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp[[12]](#footnote-12);

+ Người học hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển[[13]](#footnote-13);

+ Người học là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ[[14]](#footnote-14);

+ Người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp[[15]](#footnote-15);

+ Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định[[16]](#footnote-16);

+ Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định[[17]](#footnote-17).

**a) Giai đoạn 2024-2025**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ chi phí học tập** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **900.000 đồng**/người/tháng (**bằng 1/2 mức lương cơ sở**/người/tháng hiện hành).

- Nội dung hỗ trợ chi phí học tập: dự kiến hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, mua sách vở, dụng cụ học tập…

- Nguyên tắc hỗ trợ: Người học thuộc đối tượng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định tại chính sách đó. Người học được hưởng hỗ trợ học nghề chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách này.

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập được chi trả trực tiếp cho người học.

- Danh mục ngành, nghề đào tạo: Theo danh mục 07 ngành, nghề đào tạo đã nêu trên.

- Thời gian hỗ trợ đào tạo:

+ Trình độ trung cấp: Tối đa 20 tháng[[18]](#footnote-18).

+ Trình độ cao đẳng: Tối đa 30 tháng[[19]](#footnote-19).

- Dự kiến kinh phí và số người được hỗ trợ

Năm 2024: 550 người được hỗ trợ (187 người học trình độ cao đẳng, 363 người học trình độ trung cấp); kinh phí: 4.950.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)*.

Năm 2025: 565 người được hỗ trợ (192 người học trình độ cao đẳng, 373 người học trình độ trung cấp); kinh phí:14.985.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu đồng).*

**b) Giai đoạn 2026-2030**

- Chính sách: Thành phố **hỗ trợ chi phí học tập** cho người học.

- Mức hỗ trợ: **900.000 đồng**/người/tháng (**bằng 1/2 mức lương cơ sở**/người/tháng năm 2023).

- Nội dung hỗ trợ chi phí học tập: dự kiến hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, mua sách vở, dụng cụ học tập…

- Nguyên tắc hỗ trợ: Người học thuộc đối tượng được giảm 70% học phí, giảm 50% học phí, miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. Người học thuộc đối tượng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định tại chính sách đó. Người học được hưởng hỗ trợ học nghề chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách này.

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập được chi trả trực tiếp cho người học.

- Danh mục ngành, nghề đào tạo: Danh mục ngành, nghề đào tạo được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Dự kiến số người được hỗ trợ: 8.316 người; kinh phí: 74.844.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bốn tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

**Điều 3. Chính sách đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

Đối tượng: 04 trường cao đẳng, trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, gồm: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng, Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng, Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng, Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng.

Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo.

Giai đoạn 2026-2030, 04 trường cao đẳng, trung cấp công lập thuộc thành phố quản lý nêu trên được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo, cụ thể:

Bảng 1.1.2. Dự kiến chính sách hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp

*Đơn vị tính: Nghìn triệu đồng*

| **STT** | **Tên cơ sở GDNN** | **Tổng** | **Đầu tư cơ sở vật chất** | **Mua sắm thiết bị đào tạo** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng | 484,4 | 400 | 84,4 |
| 2 | Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng | 285 | 230 | 55 |
| 3 | Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng | 22,11 | 12,11 | 10 |
| 4 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng | 50,29 | 30,33 | 19,96 |
|  | **Cộng**  | **841,8** | **672,44** | **169,36** |

Kinh phí hỗ trợ: **841.800.000.000** đồng *(Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi mốt tỷ, tám trăm triệu đồng).*

**Điều 4. Chính sách hỗ trợ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp**

1. Chính sách đối với nhà giáo cơ hữu

Đối tượng: Nhà giáo cơ hữu đang giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kỹ năng nghề.

Mức hỗ trợ: 10.000.000 đồng/người/khóa.

Dự kiến giai đoạn 2024-2025 hỗ trợ cho 120 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 hỗ trợ cho 450 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

2. Chính sách đối với nhà giáo thỉnh giảng

2.1. Chính sách hỗ trợ kinh phí chi thù lao giảng dạy

Đối tượng: Nhà giáo đang giảng dạy tại các trường đại học sư phạm kỹ thuật, các trường đại học trong và ngoài thành phố, cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên… tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Hỗ trợ kinh phí chi thù lao giảng dạy.

Mức chi thù lao giảng dạy: 150.000 đồng/giờ chuẩn.

Dự kiến giai đoạn 2024-2025 hỗ trợ cho 100 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn).

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 hỗ trợ cho 250 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 7.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn);

2.2. Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

Đối tượng: Nhà giáo là cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên… tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/khóa.

Dự kiến giai đoạn 2024-2025 hỗ trợ cho 45 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 90.000.000 đồng *(Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng chẵn)*.

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 hỗ trợ cho 100 nhà giáo, số kinh phí hỗ trợ: 200.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn)*.

**Điều 5. Chính sách hỗ trợ mô hình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp**

Đối tượng: Các trường cao đẳng, trường trung cấp (công lập/tư thục) trên địa bàn thành phố.

Nội dung: Thành phố bố trí kinh phí đầu tư thiết bị trang bị cho Góc việc làm tại các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố, phục vụ hoạt động tư vấn việc làm, kết nối với doanh nghiệp.

Mức hỗ trợ: 17.000.000 đồng/trường.

Giai đoạn 2024-2025 không đề xuất thực hiện chính sách này.

Giai đoạn 2026-2030 dự kiến hỗ trợ 17 trường cao đẳng, 7 trường trung cấp được bố trí kinh phí 408.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu đồng chẵn)*.

Phương thức thực hiện: Thực hiện theo quy định về mua sắm tập trung của thành phố[[20]](#footnote-20).

**Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Do ngân sách thành phố đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Dự kiến tổng số kinh phí là: **1.207.050.150.000** đồng *(Bằng chữ: Một nghìn hai trăm linh bảy tỷ, không trăm năm mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Trong đó:

Năm 2024: Dự kiến kinh phí thành phố bố trí 24.266.650.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).*

Năm 2025: Dự kiến kinh phí thành phố bố trí 46.589.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn).*

Dự kiến giai đoạn 2026-2030: Tổng dự kiến kinh phí thành phố bố trí 1.136.194.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một nghìn một trăm ba mươi sáu tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng).*

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa ….., kỳ họp thứ …. thông qua ngày ... tháng.... năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy Ban thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Ban công tác ĐB của UBTVQH;- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);- Vụ pháp chế (Bộ LĐTBXH);- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;- Thường trực: TU, HĐND, UBND;- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;- UBMTTQVN TP;- Các Ban HĐND TP;- Đại biểu HĐND khóa...;- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;- Sở Tư pháp;- TT HĐND, UBND các quận, huyện; - CVP, các PCVP HĐND TP;- Báo HP, Đài PTTH HP;- Công báo TP, Cổng TTĐT TP (để đăng);- Các CV VP HĐND TP;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

1. Nghị quyết số 45-NQ/TW xác định *“…để Hải Phòng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước, sớm trở thành thành phố công nghiệp gắn với cảng biển phát triển hiện đại, thông minh, bền vững với những ngành mũi nhọn như* ***kinh tế biển, cơ khí chế tạo, chế biến, điện tử, dịch vụ logistics, khoa học và công nghệ biển****”*. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết 30-NQ/TW xác định *“…thành phố Hải Phòng trở thành* ***trung tâm logistics*** *quốc tế hiện đại”*. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị quyết số 09-NQ/ĐH xác định *“…ba trụ cột kinh tế của thành phố được xác định:* ***công nghiệp công nghệ cao, cảng biển – logistics, du lịch - thương mại*** *theo tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đã được Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra”*; *“Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng tập trung phát triển công nghiệp mũi nhọn như:* ***công nghiệp ô tô, chế tạo máy, điện tử tin học*** *và các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao…”*; *“Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến,* ***chế tạo****, công nghiệp công nghệ cao”.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành  Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp [↑](#footnote-ref-7)
8. Ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH [↑](#footnote-ref-8)
9. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-9)
10. Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-12)
13. Theo quy định tại khoản 10 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-13)
14. Theo quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-14)
15. Theo quy định tại khoản 17 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo quy định tại khoản 18 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-16)
17. Theo quy định tại khoản 19 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-17)
18. Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp [↑](#footnote-ref-18)
19. Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục nghề nghiệp [↑](#footnote-ref-19)
20. Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành danh mục tài sản, thiết bị mua sắm tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng [↑](#footnote-ref-20)